

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2024 “V/v Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kha Văn Minh;

Ông Trần Doãn Xuân.

Thư ký phiên tòa: Ông Quang Lương Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 530/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vi Thị N.** sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Bản Xiềng, xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Mai Thế Q.** sinh năm 1980.

Nơi Đăng ký HKTT: Xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Nơi ở: Bản Xiềng, xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Vi Thị N: Ông Phạm Thế K - Trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 06/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vi Thị N trình bày:

- Về tình cảm: Chị Vi Thị N và bị đơn anh Mai Thế Q kết hôn với nhau vào ngày 31 tháng 8 năm 2009 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định

về điều kiện và thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau, anh Q có hành vi bạo lực gia đình. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, vì vậy mà từ đầu năm 2024 cho đến nay, vợ chồng chị không còn sống chung với nhau. Chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Mai Thế Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh Q có 03 người con chung tên là Mai Thị Như N1, sinh ngày 05/9/2009, Mai Thành Ý sinh ngày 20/01/2012, Mai Thị Ngọc T sinh ngày 01/9/2018, hiện nay các con đang ở bản X, xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An và do chị N đang chăm sóc, ly hôn chị N có nguyện vọng muốn nuôi cả ba người con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Vi Thị N và anh Mai Thế Q tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N và anh Q không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Mai Thế Q trình bày:

- Về tình cảm: Chị Vi Thị N và anh Mai Thế Q kết hôn với nhau vào ngày 31 tháng 8 năm 2009 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, anh Q thấy việc mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn nên anh Q không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Q và chị N có 03 người con chung tên là Mai Thị Như N1, sinh ngày 05/9/2009, Mai Thành Ý sinh ngày 20/01/2012, Mai Thị Ngọc T sinh ngày 01/9/2018, hiện nay các con đang ở bản X, xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng muốn nuôi cả ba người con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Vi Thị N và anh Mai Thế Q tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N và anh Q không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Vi Thị N được ly hôn với anh Mai Thế Q; Về con chung: Giao con chung tên là Mai Thị Như N1, sinh ngày 05/9/2009, Mai Thành Ý sinh ngày 20/01/2012, Mai Thị Ngọc T sinh ngày 01/9/2018 cho chị Vi Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung: Chị Vi Thị N và anh Mai Thế Q không có tài sản chung và không có các khoản nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vi Thị N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Vi Thị N trình bày: Tình cảm hôn nhân giữa chị Vi Thị N và anh Mai Thế Q không hạnh phúc, anh Q có hành vi bạo lực gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng đã ly thân. Đề nghị HĐXX cho chị N và anh Q được ly hôn. Đề nghị giao 03 con chung cho chị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đề nghị miễn án phí dân sự cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, bị đơn hiện đang tạm trú tại Bản X, xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thông báo, triệu tập theo thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án. Bị đơn quá trình giải quyết vụ án chấp hành các quyết định của Tòa án, tuy nhiên vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được thông báo, triệu tập hợp lệ.

Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Vi Thị N và anh Mai Thế Q đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 8 năm 2009 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều

kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân giữa chị N và anh Q là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại bản Xiềng, xã Đ, huyện C, quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, anh Q bạo lực gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Quá trình cung cấp lời khai anh Q trình bày: Việc đăng ký kết hôn giữa anh và chị N là đúng quy định của pháp luật, vợ chồng sau khi kết hôn với nhau thì hạnh phúc bình thường, có những lúc mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn. Quá trình xác minh tại địa phương thấy rằng giữa vợ chồng chị N và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau và xúc phạm lẫn nhau, việc mâu thuẫn giữa chị N và anh Q đã được gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải cho vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng không cải thiện, chị N và các con không còn sống chung cùng anh Q mà về sinh sống với anh em họ hàng bên ngoài, giữa chị N và anh Q không còn qua lại chăm sóc nhau. Xét thấy, tình cảm hôn nhân giữa chị N và anh Q đã không còn hạnh phúc, chị N và anh Q đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị N được ly hôn với anh Q.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh Q có 03 người con chung tên là Mai Thị Như N1, sinh ngày 05/9/2009, Mai Thành Ý sinh ngày 20/01/2012, Mai Thị Ngọc T sinh ngày 01/9/2018 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung Mai Thị Như N1, sinh ngày 05/9/2009, Mai Thành Ý sinh ngày 20/01/2012, Mai Thị Ngọc T sinh ngày 01/9/2018 và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình xác minh tại địa phương hiện nay cả 03 con chung hiện nay đang do chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, quá trình vợ chồng mâu thuẫn thì anh Q có hành vi bạo lực gia đình với các con chung, nguyện vọng của các cháu Mai Thị Như N1, sinh ngày 05/9/2009, Mai Thành Ý sinh ngày 20/01/2012 là được ở với mẹ để được chăm sóc giáo dục tốt hơn. Xét thấy, khi cha, mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về vật chất lẫn tinh thần, nguyện vọng của chị N và anh Q là chính đáng, thể hiện tinh thần và trách nhiệm của cha mẹ dành cho con, tuy nhiên sau khi chị N và anh Q mâu thuẫn thì các con đều do chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của các con là đều được ở

với mẹ, anh Q là người thường xuyên sử dụng rượu bia, không quan tâm chăm sóc cho vợ con. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định tâm lý, tránh xáo trộn cuộc sống của các con nên việc giao cả 03 con chung Mai Thị Như N1, Mai Thị Ngọc T, Mai Thành Ý cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Mai Thế Q.

[4] Về tài sản chung và các khoản nợ: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không có các khoản nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị N là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên miễn án phí dân sự cho chị Vi Thị N.

[6] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Vi Thị N được ly hôn với anh Mai Thế Q.

2. Về con chung: Giao con chung Mai Thị Như N1, sinh ngày 05/9/2009, Mai Thành Ý sinh ngày 20/01/2012, Mai Thị Ngọc T sinh ngày 01/9/2018 cho chị Vi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Mai Thế Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Anh Mai Thế Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh Mai Thế Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Vi Thị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Mai Thế Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn dân sự sơ thẩm cho chị Vi Thị N. Trả lại cho chị Vi Thị N số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000638 ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Con Cuông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H. Con Cuông
- Chi cục THADS H. Con Cuông
- UBND xã Đôn Phục;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Hải

